UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: QUẢN LÝ DỊCH BỆNH VẬT NUÔI

NGÀNH, NGHỀ: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định Số:..../QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày… tháng… năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Bệnh nội khoa gia súc là môn học chuyên ngành thú y, giới thiệu những kiến thức cơ bản rất cần thiết. Nó cung cấp kiến thức và hiểu biết về phương pháp điều trị bệnh cho gia súc, mặt khác nó còn giới thiệu về nguyên nhân, triệu chứng, cơ chế sinh bệnh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa của gia súc. Trên cơ sở đó giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về bệnh để áp dụng điều trị cho gia súc trong thực tiễn sản xuất

Môn học đòi hỏi học sinh sinh viên phải có kiến thức tổng hợp của các môn học/mô đun cơ sở và các môn chuyên môn khác trước khi nhập môn, mặt khác môn học mang tính thực hành nhiều nên cần có thời gian, trang thiết bị và gia súc bệnh .....

Giáo trình Nội khoa gia súc được biên soạn nhằm mục đích cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên. Giáo trình có thể dùng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo cho giáo viên, sinh viên ngành chăn nuôi, thú y trường Cao Đẳng. Mặt khác, giáo trình còn là nguồn tài liệu tham khảo cho những người hành nghề thú y muốn đi sâu vào lĩnh vực chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa gia súc.

Đồng Tháp, ngày.....tháng... năm 2017

Chủ biên: Ths.Cao Thanh Hoàn

MỤC LỤC

Trang
LỜI GIỚI THIỆU ii
BÀI 1 1
PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Khái niệm mô đun bệnh nội khoa gia súc 1
2. Khái niệm về điều trị học 1
3. Những nguyên tắc cơ bản trong điều tri học 2
3.1. Nguyên tắc điều trị sinh lý 2
3.2. Nguyên tắc chủ động tích cực 2
3.3. Nguyên tắc tổng hợp 3
3.4. Nguyên tắc điều trị theo cá thể 3
4. Phân loại điều trị 3
4.1. Điều trị theo nguyên nhân 3
4.2. Điều trị theo cách sinh bệnh 3
4.3. Điều trị theo triệu chứng bệnh 4
BÀI 2 5
BỆNH Ở HỆ TIM MẠCH 5
1. Cách kiểm tra hệ tim mạch 5
1.1. Vị trí tim: 5
1.2. Tần số tim 6
1.3. Kiểm tra tim 6
1.4. Kiểm tra mạch: 7
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của tim 8
1.6. Kiểm tra động mạch 8
1.7. Kiểm tra tĩnh mạch: 9
1.8. Kiểm tra máu: 9
2. Các bệnh nội khoa thường gặp ở hệ tim mạch 9
2.1. Bệnh viêm ngoại tâm mạc 9
2.2. Bệnh tích nước xoang bao tim 11
3. Thực hành: 12
BÀI 3 14
BỆNH Ở HỆ HÔ HẤP 14
1. Cách kiểm tra hệ hô hấp 14
1.1. Khám động tác hô hấp 14

1.2. Kiểm tra đường hô hấp trên 15
1.3. Kiểm tra ngực và phổi 17
2. Các bệnh nội khoa thường gặp ở hệ hô hấp 18
2.1. Bệnh viêm mũi 18
2.2. Bệnh viêm thanh quản màng giả 19
2.3. Bệnh viêm phế quản – viêm cuống phổi 22
2.4. Bệnh viêm phổi cata 24
2.5. Bệnh viêm phổi thuỳ lớn 25
2.6. Bệnh viêm màng phổi viêm phế mạc 27
3. Thực hành: 28
BÀI 4 30
BỆNH Ở HỆ TIÊU HÓA 30
1. Cách kiểm tra hệ tiêu hoá 30
1.1. Kiểm tra động tác ăn uống 30
1.2. Kiểm tra vùng bụng 33
2. Các bệnh nội khoa thường gặp ở hệ tiêu hoá 36
2.1. Viêm miệng 36
2.2. Viêm họng 37
2.3. Tắc thực quản 38
2.4. Bệnh viêm diều ở gia cầm 39
2.5. Bệnh liệt dạ cỏ 40
2.6. Bệnh chướng hơi dạ cỏ cấp và mãn tính 40
2.7. Viêm dạ tổ ong do ngoại vật 44
2.8. Tắc nghẽn dạ lá sách 44
2.9. Bệnh viêm ruột cata cấp và mãn tính 45
2.10. Chứng táo bón 46
3. Thực hành: 47
BÀI 5 49
BỆNH Ở HỆ TIẾT NIỆU 49
1. Những triệu chứng chung khi thận bị viêm 50
1.1. Kiểm tra thận 50
1.2. Khám động tác đi tiểu 50
1.3. Kiểm tra đường tiểu 51
2. Các bệnh nội khoa thường gặp ở hệ tiết niệu 52

2.1. Viêm thận cấp tính 52
2.2. Viêm bàng quang 53
3. Nội dung thực hành: 54
BÀI 6 56
BỆNH DINH DƯỠNG VÀ TRAO ĐỔI CHẤT 56
1. Bệnh do mất cân bằng chất đa khoáng 57
1.1. Bệnh còi xương 57
1.2. Bệnh xốp xương 59
2. Bệnh do mất cân bằng vi khoáng 60
2.1. Chứng thiếu kẽm (Zn) ở heo (PARAKERATOSIS) 60
2.2 Bệnh thiếu máu do thiếu sắt (Fe) ở heo con 62
3. Bệnh do thiếu vitamin 62
3.1. Nguyên nhân gây bệnh 62
3.2. Triệu chứng bệnh 63
3.3. Bệnh tích 63
3.4. Phòng và trị bệnh 63
4. Bệnh Keto 64
4.1. Nguyên nhân của bệnh 64
4.2. Triệu chứng 65
4.3. Phòng và trị bệnh 66
5. Bệnh do quản lý 66
5.1. Bệnh cảm nóng 66
5.2. Bệnh cảm nắng 68
6. Thực hành 69
TÀI LIỆU THAM KHẢO 70

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN LÝ BỆNH VẬT NUÔI

Mã mô đun: MH14

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của mô đun:

- Vị trí: là mô đun chuyên môn cho người học ngành Cao đẳng Dịch vụ thú y.Mô đun được bố trí giảng dạy sau các mô đun cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Dịch vụ thú y.

- Tính chất: mô đun giúp sinh viên nắm được: nguyên nhân gây bệnh, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng của bệnh, các phương pháp chẩn đoán bệnh, tiên lượng của bệnh và các biện pháp điều trị bệnh nội khoa trên gia súc. Từ đó, sinh viên có thể áp dung vào thực tế để phòng và trị bệnh cho gia súc.

- Ý nghĩa và vai trò của mô đun: Giáo trình này rất có ý nghĩa trong giảng dạy và học tập, góp phần quan trọng trong chương trình môn học của ngành. Giúp sinh viên chẩn đoán, phòng trị được các bệnh nội khoa xảy ra trên gia súc một cách hiệu quả nhất.

Mục tiêu của mô đun:

- Về kiến thức:

+ Nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản nhất về bệnh nội khoa gia súc.

+ Trình bày được nội dung về đại cương, chẩn đoán bệnh học, phương pháp khám bệnh gia súc, gia cầm.

+ Phân tích được đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, điều trị bệnh ở các cơ quan, bộ máy trong cơ thể bệnh súc.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện đúng, đủ các nguyên tắc khi điều trị bệnh nội khoa gia súc.

+ Thực hiện được việc chẩn đoán, điều trị bệnh ở cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, tiết niệu, bệnh dinh dưỡng và trao đổi chất ở gia súc hiệu quả.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nghiêm túc, trung thực, an toàn, bảo đảm vệ sinh phòng dịch và môi trường.

Nội dung của mô đun:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thínghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra (định kỳ)/Ôn thi, Thi kết thúc mô đun
1	**Bài 1: Phần mở đầu**	2	2		
2	**Bài 2: Bệnh ở hệ tim mạch**	6	2	4	
3	**Bài 3: Bệnh ở hệ hô hấp**	11	3	8	
4	**Bài 4: Bệnh ở hệ tiêu hoá**	11	3	8	
5	**Bài 5: Bệnh ở hệ tiết niệu**	6	2	4	
6	**Bài 6: Bệnh dinh dưỡng trao đổi chất**	6	2	4	
	Ôn thi	1			1
	Thi/kiểm tra kết thúc mô đun	1			1
	Cộng	45	14	28	3

BÀI 1

PHẦN MỞ ĐẦU

MĐ23-01

Giới thiệu

Trong bài này giới thiệu sơ lược về các vấn đề liên quan đến bệnh nội khoa gia súc: khái niệm về nội khoa, về điều trị, về những nguyên tắc cơ bản trong điều trịsh điều trị và lựa chọn các cách điều trị trong các trường hợp khác nhau. Từ đó phục vụ cho việc thu thập, nhận xét, đánh giá triệu chứng, tiên lượng bệnh và điều trị bệnh.

Mục tiêu:

- Kiến thức

Sinh viên trình bày được bệnh nội khoa là gì và các nguyên tắc cơ bản khi điều trị bệnh nội khoa gia súc.

- Kỹ năng

Thực hiện đúng, đủ các nguyên tắc khi điều trị bệnh nội khoa gia súc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học tập nhiêm túc, sáng tạo; áp dụng kiến thức, kỷ năng đã học để điều trị các bệnh nội khoa cho gia súc, gia cầm.

1. Khái niệm mô đun bệnh nội khoa gia súc

Là môn học chuyên nghiên cứu các bệnh xảy ra ở cơ quan nội tạng của gia súc và không có tính lây lan ở gia súc.

Bệnh nội khoa gia súc hay còn gọi là bệnh thông thường, là những bệnh không có tính chất truyền nhiễm, không lây lan từ con vật này sang con vật khác.

2. Khái niệm về điều trị học

Điều trị học nhằm áp dụng những phương pháp chữa bệnh tốt nhất, an oàn nhất tác động đối với cơ thể bệnh để làm cho cơ thể đang mắc bệnh nhanh chống hồi phục trở lại bình thường, mang lại sức khỏe và khả năng làm việc tốt.

Dùng thuốc (như dùng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn, bổ sung canxi, photpho, vitamin D trong bệnh mềm xương và còi xương....).

Dùng hóa chất (như dùng xanh mêthylen trong điều trị trúng độc, dùng Na_2SO_4 hoặc $MgSO_4$ trong tẩy rửa ruột của bệnh viêm ruột hay trong chướng hơi dạ cỏ, nghẽn dạ lá sách).

Dùng liệu pháp vật lý (dùng ánh sáng, nhiệt, nước, dòng điện,...).

Điều tiết sự ăn uống và hộ lý tốt (như trong bệnh ceton huyết phải giảm thức ăn chứa nhiều protein,lipid và tăng thức ăn thô xanh, trong bệnh viêm ruột tiêu chảy phải giảm thức ăn xanh chứa nhiều nước và thức ăn tanh).

3. Những nguyên tắc cơ bản trong điều tri học

Điều trị là áp dụng mọi biện pháp có thể thực hiện được bao gồm: các biện pháp chăm sóc, quản lý, sử dụng các phương tiện và các loại thuốc điều trị để nhằm làm hồi phục một cơ thể đang mắc bệnh.

3.1. Nguyên tắc điều trị sinh lý

Tình trạng sinh lý của cơ thể do hệ thần kinh điều khiển, thông qua các phản xạ của thần kinh nhằm thích nghi với sự tác động của yếu tố ngoại cảnh mà người ta gọi chung là phản xạ bảo vệ cơ thể, bao gồm các hiện tượng chống nóng, chống lạnh, ho, hắt hơi, thực bào của bạch cầu, sự hình thành miễn dịch, sự giải độc và bài thải chất độc,...

Khi cơ thể mắc bệnh, tùy theo mức độ rối loạn sinh lý, hệ thống thần kinh sẽ bị rối loạn theo, từ đó hình thành các phản xạ bảo vệ cơ thể sẽ kém đi, bệnh tật có điều kiện phát triển.

Nắm vững những nguyên tắc trên trong điều trị chúng ta cần lưu ý:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thú bệnh thông qua biện pháp hộ lý thật tốt trong quá trình điều trị.

- Tránh mọi hiện tượng gây rối loạn thần kinh trên thú vật, do đó các biện pháp cách ly thú bệnh, thân thiện với thú bệnh, tránh thô bạo gây sợ hải cho thú trong quá trình điều trị là các việc làm rất cần thiết nhằm giúp hệ thần kinh lấy lại sự cân bằng của nó.

Những trường hợp thần kinh bị rối loạn quá mức, gây các biểu hiện như đau đớn quá độ, điên cuồng, co giật, cần sử dụng các biện pháp trấn tĩnh tình trạng kích thích nói trên thông qua các thuốc ức chế thần kinh trung ương như thuốc ngủ, thuốc mê,...

3.2. Nguyên tắc chủ động tích cực

Nhanh chóng, kịp thời trong điều trị, nhất là những trường hợp cấp cứu, các bệnh thuộc thể quá cấp tính. Ngoài các yếu tố trên,cần dự đoán các tai biến có thể xảy ra trên thú bệnh để có biện pháp ngăn chặn. Theo dõi kết quả

điều trị, nếu kết quả điều trị không khả quan, cần thay đổi liệu pháp,loại thuốc khác cho hợp lý.

3.3. Nguyên tắc tổng hợp

Thực tế điều trị cho thấy, muốn điều trị có kết quả, thường phải sử dụng nhiều biện pháp cùng lúc. Để thực hiện nguyên tắc này, chúng ta cần phải phân tích tính chất của bệnh, đặc điểm của quá trình bệnh và điều kiện ngoại cảnh để đề ra biện pháp điều trị tổng hợp một cách hợp lý. Nếu thiếu sự phân tích trên đây, biện pháp tổng hợp đưa ra sẽ không có tác dụng đồng bộ, đôi khi chồng chéo nhau hoặc có thể làm giảm giá trị lẫn nhau, bệnh không bớt đi mà có thể nạng thêm, đồng thời gây tổn hao chi phí điều trị. Cần lưu ý đến giá trị kinh tế trong khi áp dụng nguyên tắc này, nhất là việc sử dụng phối hợp các laoij thuốc điều trị.

3.4. Nguyên tắc điều trị theo cá thể

Cùng một loại kích thích bệnh nguyên, nhưng đối với từng cơ thể sự biểu hiện về mặt bệnh lý có khác nhau, do phản ứng của từng cá thể khác nhau, cơ năng bảo vệ, loại hình thần kinh khác nhau. Do đó, ứng với thể trạng thú, tầm vóc thú, loại hình thần kinh thú, tình trạng sản xuất của thú, cần áp dụng các biện pháp điều trị thích hợp nhất cho cá thể, nhất là khi sử dụng thuốc.

Ví dụ: Strychnin, pilocarpin không dùng cho thú đang mang thai

4. Phân loại điều trị

Dựa vào tính chất tác động của phương pháp điều trị lên quá trình bệnh mà có một số phương pháp điều trị như sau:

4.1. Điều trị theo nguyên nhân gây bệnh

Thường liệu pháp này được áp dụng khi đã nắm chắc được nguyên nhân gây bệnh. Ví dụ: dùng sắt trong bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con.

Ưu điểm của liệu pháp này là diệt trừ nhanh chóng căn bệnh, hiệu quả điều trị rất cao, rất hiếm khi có hiên tượng tái phát.

Nhược điểm của nó cần phải xác định nguyên nhân thật chính xác. Nhiều trường hợp phải mất một thời gian theo dõi khá lâu mới xác định được nguyên nhân , thậm chí nhiều trường hợp không xác định được nguyên nhân gay bệnh.

4.2. Điều trị theo cách sinh bệnh

Từ khi mầm bệnh xâm nhập đến khi gây thành bệnh, cơ thể thú bệnh sẽ trải qua các thời kỳ sau: thời kỳ ủ bệnh, thời kỳ phát bệnh, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lành bệnh và thời kỳ hồi phục lại sức khỏe. Sự tiến triển của bệnh qua các thời kỳ trên với các triệu chứng biểu hiện bên ngoài được gọi là cách sinh bệnh hay cơ

chế bệnh. Trong quá trình gây bệnh, bệnh sẽ trải qua nhiều khâu, nhiều giai đoạn. Sự nghiên cứu cách sinh bệnh sẽ giúp chúng ta tiên lượng, đánh giá được các hậu quả sẽ xảy ra ở các giai đoạn kế tiếp.

Điều trị theo cách sinh bệnh là dùng các biện pháp điều trị để cắt đứt bệnh ở một khâu nào đó, ngăn chặn hậu quả sẽ xảy ra tiếp theo. Ví dụ: cấp nước và chất điện giải đầy đủ cho thú trong tình trạng tiêu chảy nặng, nhằm chống hậu quả do mất nước và chất điện giải khi các triệu chứng này chưa xảy ra.

4.3. Điều trị theo triệu chứng bệnh

Nhằm mục đích kịp thời ngăn chặn sự tiến triển của bệnh, ngăn các triệu chứng nguy kịch, cấp tính có khả năng đe dọa đến tính mạng thú, nâng cao sức đề kháng của con vật là dùng phương pháp điều trị theo triệu chứng.

Thú bị nôn nhiều lần, ta dùng thuốc chống nôn: Atropin.

Thú co giật, kích động: dùng an thần (acepromazine).

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm mô đun bệnh nội khoa gia súc?
2. Khái niệm về điều trị học?
3. Những nguyên tắc cơ bản trong điều tri học?
4. Phân loại điều trị?

BÀI 2

BỆNH Ở HỆ TIM MẠCH

MĐ23-02

Giới thiệu

Hệ thống tim mạch là hệ thống vận chuyển của cơ thể bao gồm: tim và các mạch máu (động mạch, tĩnh mạch, mao mạch). Hệ thống này mang oxy từ phổi đến mô bào carbonic từ não đến phổi để được đào thải qua hơi thở. Nó có nhiệm vụ quan trọng là vận chuyển máu đi khắp cơ thể để nuôi các bộ phận của cơ thể và thông qua đó mang thức ăn đã được hấp thu từ ruột vào máu đến các tế bào của cơ thể để tế bào lấy chất dinh dưỡng cho sự phát triển và năng lượng. Vì vậy nếu một bộ phận nào trong cơ thể bị thiếu máu nuôi dưỡng, sự hồi phục của những mô bị tổn thương sẽ bị chậm trễ. Chỉ cần tim ngừng đập trong 10 phút là các tế bào não không thể phục hồi chức năng được nữa và bệnh súc cũng khí sống lại được.

Hệ tim mạch có liên quan chặt chẽ với các bộ phận khác trong cơ thể. Do vậy khi hệ tim mạch bị bệnh nó có thể ảnh hưởng tới các bộ phận khác trong cơ thể và ngược lại.

Mục tiêu:

- **Kiến thức**

Trình bày được đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị bệnh nội khoa ở hệ tuần hoàn gia súc.

- **Kỹ năng**

Thực hiện được việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa ở hệ tuần hoàn gia súc đạt hiệu quả cao.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Học tập nhiêm túc, áp dụng kiến thức, kỷ năng đã học về các bệnh nội khoa ở hệ tuần hoàn gia súc để chẩn đoán, điều trị bệnh nội khoa ở hệ tuần hoàn gia súc hiệu quả cao và bảo đảm an toàn.

1. Cách kiểm tra hệ tim mạch

1.1. Vị trí tim

Nằm ở xoang ngực, một phần lớn nằm ở xoang ngực trái và phần nhỏ nằm ở xoang ngực phải.

Tim gia súc nằm ở khoảng xương sườn số 3 – 6, phía dưới lớp xương bả vai 2 –7 cm tùy theo thú lớn hay nhỏ. Bờ trước tim dọc theo rãnh xoắn của xương bả vai, bờ sau là đường vòng cung nối từ đỉnh tim đến cuối xương sườn số 5-6

1.2. Tần số tim

Là số nhịp đập của tim trong 1 phút. Hai tiếng đập được tính là 1 nhịp.

- Tần số tim của một số loài gia súc:

Trâu: 36 – 60 nhịp/phút

Bò: 50 – 80 nhịp/phút

Dê, cừu: 70 – 80 nhịp/phút

Heo: 60 – 90 nhịp/phút

Chó: 70 – 120 nhịp/phút

Mèo: 110 – 130 nhịp/phút.

- Những trường hợp làm nhịp tim tăng: khi thú sốt, viêm cơ tim, thiếu máu, hô hấp bị trở ngại,..

- Những trường hợp nhịp tim giảm: suy tim thời kỳ cuối.

1.3. Kiểm tra tim

Nhìn vùng tim: khi tim đập làm rung động thành ngực vùng tim, ta có thể nhìn thấy được. ở động vật lớn tim đập do thân tim đập vào thành ngực, động vật nhỏ do mỏn tim đập vào thành ngực.

Sờ vùng tim: dùng tay áp vào vùng tim sẽ cảm giác được cường độ tim đập và trạng thái tổ chức dưới da ngực.

Tim đập mạnh: do tâm thất co bóp mạnh, tiếng thứ nhất tăng do trời nóng bức, lao động nặng, sốt cao, viêm nội tâm mạc, xẹp phổi, viêm cơ tim cấp, các trường hợp thiếu máu.

Tim đập yếu: do thành ngực thuỷ thũng, lồng ngực tích nước, suy tim, phổi khí thũng.

Vùng tim đau: lúc sờ nắn gia súc tránh người, khó chịu là do viêm bao tim, viêm màng phổi.

Gõ vùng tim: vùng âm đục tuyệt đối của tim là vùng tim và thành ngực tiếp xúc với nhau, vùng xung quanh giữa tim và thành ngực có lớp phổi xen là vùng âm đục tương đối. Khi gõ cần chú ý các trường hợp sau

Vùng âm đục mở rộng về phía trên và sau một hay hai xương sườn do tim nở dầy, viêm bao tim, phổi bị gan hoá

Âm bùng hơi: do viêm bao tim

Gõ vùng tim đau; do viêm màng phổi , viêm bao tim.

Nghe tim: khi tim đập phát ra hai tiếng " Pùng- pụp" đi liền nhau. Tiếng thứ nhất phát ra lúc tim bóp gọi là tiếng tâm thu. Tiếng tim thứ hai phát ra lúc tim giãn gọi là tiếng tâm trương, trong trường hợp sinh lý bình thường tiếng tim thứ nhất và tiếng tim thứ hai luôn đi liền nhau, khi tim bị bệnh tiếng tim thay đổi

- Tiếng tim thứ nhất tăng: do gia súc lao động nặng, hưng phấn thần kinh, gia súc gầy, lồng ngực hẹp

- Tiếng tim thứ hai tăng: Do huyết áp trong động mạch chủ và động mạch phổi tăng. Huyết áp động mạch chủ tăng thường gặp trong các bệnh viêm thận, huyết áp động mạch phổi tăng trong bệnh: viêm phổi, khí thũng phổi, van hai lá đóng không kín, lỗ nhĩ thất trái hẹp.

- Tiếng tim thứ nhất tách đôi: do van nhĩ thất, lỗ nhĩ thất không bình thường

- Tiếng ngựa phi: Tiếng tim thứ nhất, tiếng tim thứ hai và kèm theo tiếng tim phụ, khi tim đập có nhịp điệu ngựa phi:

- Tiếng ngựa phi tiền tâm thu: Tiếng phụ xuất hiện trước kỳ tâm thu, nguyên nhân do thần kinh bị trở ngại

- Tiếng ngựa phi tâm thu: tiếng phụ sau tiếng thứ nhất đây là dấu hiệu triệu chứng loạn nhịp tim, là tiên lượng không tốt

Tạp âm:

- Tạp âm trong tim như: tiếng thổi tâm thu, tiếng thổi tâm trương là biểu hiện tim bị bệnh như: hở van tim, hẹp van tim thường tiên lượng không tốt

- Tạp âm ngoài tim như; tiếng cọ bao tim- màng phổi, tiếng vỗ nước là triệu chứng của bệnh ở bao tim hay màng phổi như: viêm bao tim do ngoại vật hoặc viêm màng phổi tích nước xoang ngực.

1.4. Kiểm tra mạch

Mạch đập: Khi tim co bóp đẩy máu vào mạch quản, mạch quản căng rộng, sau đó mạch quản co dồn máu đi tiếp tạo thành mạch đập.

Đối với gia súc khoẻ mạch, mạch đập trong một phút luôn ổn định như: bò cái mạch đập 60- 80 lần / phút, bò đực 36 – 60/ phút khi mạch đập trên một phút thay đổi là biểu hiện bệnh.

- Mạch đập nhanh: do tim đập nhanh ở ngựa quá 100 lần trên phút là tiên lượng không tốt. Mạch đập nhanh thường gặp trong các bệnh truyền nhiễm cấp tính, viêm cấp tính như viêm cơ tim, viêm bao tim, bệnh ở van tim, bệnh thiếu máu, hạ huyết áp, các bệnh gây đau đớn.

- Mạch đập giảm thường gặp trong các bệnh thần kinh, rối loạn thần kinh tim

- Mạch to: Thường gặp trong bệnh truyền nhiễm cấp tính

- Mạch nhỏ: gặp trong các bệnh suy tim, hẹp lỗ động mạch chủ, mất máu nhiều

- Mạch cứng gặp trong các bệnh uốn ván, viêm thận, trúng độc, xơ cứng động mạch

- Mạch mềm là hiện tượng mạch đập yếu thành mạch bùng nhùng do suy tim nặng, mất máu

Loạn nhịp: Mạch đập theo một cường độ nhất định, khoảng cách giữa các lần đập bằng nhau trình tự đó bị rối loạn gọi là loạn nhịp tim. Loạn nhịp thường do thần kinh phó giao cảm rối loạn hoặc tim bị bệnh

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của tim

Huyết áp cao lm tăng sự giản nở mạch máu, tăng hoạt động của tim.

Histamin.

Nội tiết tố (Adrenalin làm co mạch mao quản, tăng huyết áp. Epenerphin làm tăng sự hưng phấn của cơ tim)

Khoáng đa lượng (Ca, Na) làm co mạch, tăng huyết áp.

Hệ thần kinh giao cảm: lm tăng nhịp tim, tăng hoạt động co bóp của cơ tim, giảm nhu động ruột, giảm tiết nước bọt, co tử cung.

Hệ thần kinh phĩ giao cảm: lm giảm nhịp tim, ức chế sự hưng phấn và dẫn truyền của cơ tim, gin mạch, tăng nhu động ruột….

1.6. Kiểm tra động mạch

Vị trí: động mạch đuôi, động mạch đùi (gia cầm và heo không kiểm tra được)

Tần số mạch đập bằng tần số tim.

Tần số mạch cao: thú sốt, thiếu máu, trúng độc.

Tần số mạch chậm. yếu: bại liệt, uốn ván, suy tim.

Không có mạch: gia súc bị ngất, bị viêm cơ tim nặng, sắp chết.

1.7. Kiểm tra tĩnh mạch

Vị trí: tĩnh mạch cổ, tĩnh mạch vú, tĩnh mạch tai,…

Tĩnh mạch xung huyết (nổi rỏ): suy tim, hở van 3 lá, lổ nhỉ thất hẹp, viêm bao tim, bao tim tích nước.

Tĩnh mạch đập: khi tim hoạt động thay đổi dung tích mạch. Hiện tượng này quan sát ở tĩnh mạch cổ của bò.

Tĩnh mạch âm tính: dùng tay đè lên phần tĩnh mạch cổ, phần gần tim mạch xẹp, phần xa tim máu dồn đầy tĩnh mạch.

Tĩnh mạch dương tính: lúc tim co, máu ở tâm nhĩ chảy ngược lại tĩnh mạch. Dùng tay đè lên tĩnh mạch cổ thì phần gầnvà phần xa tim đều ứ máu. Đây là triệu chứng bệnh van 3 lá đóng không kín.

1.8. Kiểm tra máu

Gia súc bình thường, máu đưa ra ngoài không khí 5 – 7 phút máu sẽ đông lại.

- Trường hợp máu chậm đông là do thú sốt cao, bệnh truyền nhiễm.
- Trường hợp máu nhanh đông: tiêu chảy nặng, đa niệu, xoắn ruột,..
- Máu không đông và nhầy: bệnh nhiệt thán.

Màu sắc máu bình thường có màu đỏ tươi, thiếu máu máu đỏ nhạt, thiếu oxy máu đỏ đen, khi ra không khí chuyển màu đỏ tươi.

2. Các bệnh nội khoa thường gặp ở hệ tim mạch

2.1. Bệnh viêm ngoại tâm mạc

Bệnh viêm màng ngoài tim là viêm lá thành và lá tạng của bao tim.

2.1.1. Nguyên nhân gây bệnh

Kế phát từ các bệnh truyền nhiễm như: Lở mồm long móng (tim da cọp), lao, viêm phổi, đóng dấu son (xuất huyết, sùi van tim), tụ huyết trùng (viêm vơ tim, xuất huyết),…

Trên trâu bò, dê cừu còn do vật lạ gây viêm cơ tim thường kèm với viêm Dạ tổ ong, làm gia súc sốt cao.

2.1.2. Triệu chứng bệnh

Thú ủ rũ, kém ăn có thể bị tiêu chảy.

Sốt cao (nhất là do vật lạ gây viêm).

Thú thở khó, vùng thanh quản phía dưới ngực bị phù

Tĩnh mạch cổ phồng to, ứ máu.

Nếu kèm viêm Phổi thú sẽ ho.

Nếu do vật lạ khi ấn vào vùng tim, dắt xuống dốc thú sẽ có phản ứng đau.

Nhịp tim gia súc có thể tăng trên 120 nhịp/ phút.

2.1.3. Bệnh tích

Tim và bao tim tạo thành 1 khối to, mặt ngoài tim sần sùi, màu sắc không đồng đều.

Bao tim chứa chất dịch màu vàng hôi thối đôi khi có lẫn mủ, máu.

Nếu viêm do vật lạ sẽ tìm thấy vật lạ trong tim.

2.1.4. Chẩn đoán bệnh

Giai đoạn đầu khó chẩn đoán bệnh.

Giai đoạn sau khi có triệu chứng:

+ Tim đập nhanh trên 120 nhịp/ phút, thú thở khó, phù vùng ngực, tĩnh mạch cổ phồng to.

+ Sờ nắn vùng tim thú đau, dắt xuống dốc đau.

+ Chọc dò bao tim có dịch viêm (Dùng kim lớn, dùng kéo chọc thủng da, sau đó dùng kim dài, chọc vào khe sườn 4- 5 để rút dịch viêm).

2.1.5. Tiên lượng

Nếu là do vật lạ rất khó điều trị dứt bệnh. Nếu do bệnh truyền nhiễm thì tùy thuộc vào yếu tố gây bệnh.

Thời kỳ đầu mới mắc bệnh điều trị sẽ dễ, khi có các triệu chứng điển hình thú khó hồi phục hơn.

2.1.6. Điều trị: (trị nguyên nhân do vsv)

Tiêu diệt VSV: nên chọn các kháng sinh có độ khuyếch tán cao, vào xoang tốt như Cefalexcin, Tiamulin, Lincomycin, Enrofloxacin,..

Chống viêm: Dexamethasone..

Trợ tim: Cafein 5%

Trợ sức: B- complex tiêm bắp, Glucose 30% 500ml/ ngày, tiêm tĩnh mạch.

2.1.7. Phòng bệnh

Dọn sạch đồng cỏ tránh đinh, kẽm,..

Sử dụng vaccin phòng một số bệnh truyền nhiễm như Aftopor (phòng LMLM), Respisure (phòng viêm phổi), Vaccine Tụ huyết trùng,...

2.2. Bệnh tích nước xoang bao tim

Là bệnh tràn tương dịch trong bao tim, không phải do viêm.

Bệnh này thường do kế phát bởi các bệnh mãn tính khác.

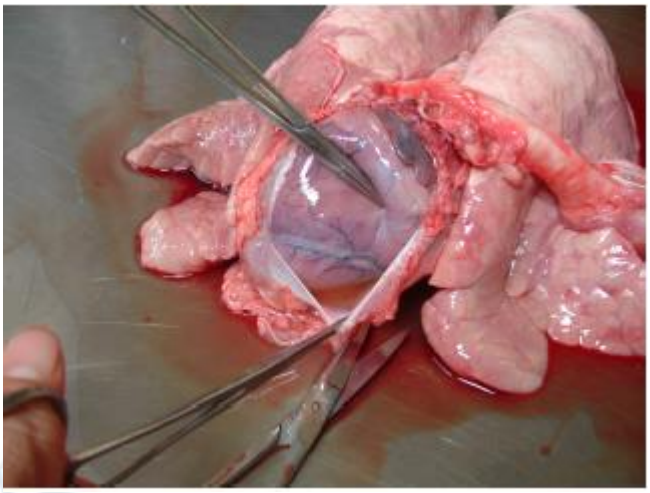

Hình 2.1: Xoang bao tim chứa nước

2.2.1. Nguyên nhân

Kế phát do suy tim, hở hay hẹp van tim, cơ tim bị thoái hóa: các trường hợp này đều gây nên tình trạng ứ huyết ở tĩnh mạch → huyết áp tĩnh mạch tăng → cho thành mao mạch thiếu oxy → cho các tế bào mao mạch thượng bì bị tổn thương → tính thấm thành mạch tăng. Vì vậy nước thấm qua mạch quản vào các xoang trong cơ thể, trong đó có xoang bao tim.

Nếu do suy dinh dưỡng, các bệnh về thận (do lượng protein thoát ra đường niệu nhiều). Vì vậy, làm cho áp lực thể keo trong máu giảm → nước dễ qua mạch quản đi vào các xoang và các mô bào của cơ thể.

Khi xoang bao tim bị tích nước sẽ làm trở ngại hoạt động của tim và thường gây nên phù phổi → làm cho gia súc có hiện tượng thể khó.

Bệnh bao tim tích nước thường đi đôi với bệnh tích nước xoang bụng, tích nước xoang ngực.

2.2.2. Triệu chứng bệnh

Gõ vùng tim: âm đục mở rộng

Nghe vùng tim: tim đập yếu và có âm bơi

Chọc dò xoang bao tim có dịch trong chảy ra

Tĩnh mạch cổ phồng to, phù ức, hầu, phù nề ở tổ chức dưới da

Thở khó

2.2.3. Bệnh tích

Xoang bao tim chứa nhiều dịch

2.2.4. Chẩn đoán bệnh

Căn cứ vào triệu chứng điển hình, dịch trong xoang bao tim làm phản ứng rivalta cho kết quả âm tính (-).

2.2.5. Tiên lượng

Khả năng hồi phục không cao

2.2.6. Điều trị

- Hộ lý: cho ăn thức ăn dễ tiêu, giàu dinh dưỡng, giảm thức ăn chứa nhiều nước và thức ăn mặn.

- Dùng thuốc:

Nếu do ký sinh trùng đường máu dùng Naganin hoặc Trypamydim

Nếu do suy dinh dưỡng: dùng dung dịch đạm bổ sung vào máu kết hợp vitamin B_{12}, sắt

Dùng trợ tim, lợi tiểu, giảm phù, trợ sức,....(dung dịch gluco, cafein natribenzoat, canxi clorua, urotropin, vitamin C) tiêm vào tĩnh mạch ngày/ lần.

Chú ý: nếu do suy tim

Tăng cường lưu lượng máu tim: dùng thuốc trợ tim

Giảm bớt ứ máu ngoại biên: cho nghỉ làm việc, hạn chế thức ăn mặn, dùng thuốc lợi tiểu, chọc hút dịch xoang.

3. Thực hành

- Khám lâm sàng, chẩn đoán và điều trị các bệnh ở hệ tuần hoàn của chó, mèo.

- Khám lâm sàng và chẩn đoán bệnh viêm ngoại tâm mạc ở trâu và bò.

3.1. Chuẩn bị dụng cụ và mẫu vật

Các nguyên liệu dụng cụ cần thiết trong công tác khám hệ tuần hoàn, vật mẫu (chó, trâu bò).

3.2. Phương pháp tiến hành